TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 40/2019/QĐST-HNGĐ	*Đồ Sơn, ngày 07 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Trình Thị T, nơi cư trú: Tổ H, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng;

- Anh Trần Văn Q, nơi cư trú: Tổ H, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự cho thấy: Chị Trình Thị T và anh Trần Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 04-11-2009. Sau khi kết hôn, chị T và anh Q chung sống tại tổ H, phường M, quận Đ. Trước đây, anh, chị chung sống hòa thuận và hạnh phúc. Khoảng 09 năm nay, chị T và anh Q xảy ra nhiều mâu thuẫn, hay cãi vã và xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do hai vợ chồng thường bất hòa trong cuộc sống hàng ngày, không thông cảm cho nhau như trước. Ngoài mâu thuẫn vợ chồng, chị T còn mâu thuẫn với gia đình anh Q. Trong 09 năm qua, chị T và anh Q đã nhiều lần sống ly thân và đã hai lần chị T chuyển ra ngoài thuê nhà trọ để ở. Sau khi quay về chung sống với anh Q, tình trạng hôn nhân vẫn không cải thiện được. Khoảng tháng 05 năm 2018 đến nay, chị T và anh Q tuy chung nhà nhưng đã ly thân nhau, không quan tâm, chia sẻ với nhau nữa. Cả chị T và anh

Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân không thể cải thiện được nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Q đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không kéo dài; việc chị T và anh Q thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con ngày 30 tháng 5 năm 2019 là có căn cứ cần được Tòa án công nhận theo Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị T và anh Q có 02 con chung là Trần Văn D, sinh ngày 13-12-2009 và Trần Văn Duy K, sinh ngày 25-9-2011. Chị T và anh Q thỏa thuận giao cháu D cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc cho đến khi có sự thay đổi về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, cả chị T và anh Q đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con; cháu D có nguyện vọng được ở với anh Q, cháu K có nguyện vọng được ở với chị T sau khi chị T và anh Q ly hôn; việc thỏa thuận nuôi con của chị T và anh Q là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đảm bảo quyền lợi của cháu D và cháu K nên cần được Tòa án công nhận theo Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh Q thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị T và anh Q thỏa thuận để chị T nộp 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Tòa án cần công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh Q.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con, không có đương sự nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trình Thị T và anh Trần Văn Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh Q thỏa thuận giao cháu Trần Văn D, sinh ngày 13-12-2009 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, giao cháu Trần Văn Duy K, sinh ngày 25-9-2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị T và anh Q thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị T nhận nộp lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, theo Biên lai số: 0006992 ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường M, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, HCTP.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Trường